

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2026.

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.
 - **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Duy Chấn.
Ông Trương Văn Cường.
- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà:** Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 19/12/2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phi Ph, sinh năm 1982 – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức A, xã Thuận A, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1975 – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Đức A, xã Thuận A, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2025 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Phi Ph trình bày:

Bà và ông Lê Văn C chung sống đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (cũ) trên cơ sở tự nguyện. Trong thời kỳ hôn nhân Bà Ph và ông C có hai con chung Lê

Văn L, sinh ngày 28/7/2001 và con Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Phi Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống bà Võ Thị Phi Ph và ông Lê Văn C xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng. Hiện nay, bà Võ Thị Phi Ph và ông Lê Văn C không sống chung. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph xin ly hôn với ông Lê Văn C. Về con chung: Bà Ph có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Văn L, sinh ngày 28/7/2001 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn C trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông C, tuy nhiên ông C không có mặt tại Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của bị đơn, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX); Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật cụ thể: Không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị giải quyết cho bà Võ Thị Phi Ph ly hôn với ông Lê Văn C. Về con chung: Giao con chung Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014 cho bà Võ Thị Phi Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Việt trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị Phi Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn bà Võ Thị Phi Ph khởi kiện ông Lê Văn C về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn Đức A, xã Thuận A, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng Dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn không chấp hành mặc dù có mặt tại địa phương nơi cư trú, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Như vậy, ông C đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quyền được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Võ Thị Phi Ph trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông C vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[4] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận định Bà Ph và ông C có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông (nay là xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng). Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

[5] Về mâu thuẫn vợ chồng: Tuy Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông C, nhưng trên cơ sở lời khai của Bà Ph thì giữa Bà Ph và ông C bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng, bà và ông C đã sống ly thân với nhau được 04 năm hơn nữa kết quả xác minh tại nơi cư trú của Bà Ph, ông C thì hai vợ chồng Bà Ph, ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông C hay nhậu say về nhà vô cớ gây sự chửi vợ, con. Bà Ph là hội viên hội phụ nữ của thôn và cũng được hội phụ nữ thôn đến hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông C vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này; Bà Ph, ông C đã sống ly thân vẫn không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ lại, Bà Ph không còn tình cảm với ông C. Như vậy, hôn nhân của Bà Ph, ông C đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Bà Ph, ông C thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Phi Ph về việc ly hôn với ông Lê Văn C.

[6] Về yêu cầu nuôi con chung: Quá trình giải quyết Bà Ph có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Con chung Lê Văn L, sinh ngày 28/7/2001 đã trưởng thành nên Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014 hiện nay đang ở với bà Võ Thị Phi Ph.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Lê Văn Quốc V hiện đang còn nhỏ và sinh sống cùng Bà Ph, ngoài ra theo nguyện vọng của Lê Văn Quốc V cũng muốn được ở cùng Bà Ph, do đó cần giao con chung Lê Văn Quốc V cho bà Võ Thị Phi Ph được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn bà Võ Thị Phi Ph và ông Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Phi Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 72; Điều 143; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; Điều 81, Điều 82 và Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phi Ph đối với ông Lê Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phi Ph được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Lê Văn Quốc V, sinh ngày 29/10/2014 cho bà Võ Thị Phi Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn bà Võ Thị Phi Ph và ông Lê Văn C có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Phi Ph phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Võ Thị Phi Ph đã nộp tại đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8) theo biên lai số số 0007386 ngày 03/11/2025.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về hướng dẫn Thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- UBND xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ